

AN SINH XÃ HỘI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ngô Văn Lê

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh*

TÓM TẮT

Phát triển không đồng đều giữa các quốc gia, các tộc người là một đặc điểm dễ nhận thấy trong bối cảnh hiện nay. Khi nền kinh tế thị trường với sự cạnh tranh gay gắt thì khoảng cách giàu nghèo giữa các giai tầng trong xã hội không những không giải quyết được, mà trái lại tình hình càng phức tạp hơn. Sự phân tầng xã hội cũng như các vấn đề xã hội khác tiềm ẩn các nguy cơ xung đột xã hội, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững. Ổn định xã hội để phát triển là một yêu cầu đối với bất kỳ một quốc gia nào. Mà muốn giữ được ổn định xã hội để phát triển đòi hỏi các giải pháp khác nhau, trong đó an sinh xã hội là một vấn đề quan trọng. An sinh xã hội là một trong những yếu tố góp phần ổn định để phát triển.

Từ khóa: *an sinh xã hội, phát triển bền vững, con người*

*

1. Trong những năm gần đây trên các phương tiện thông tin đại chúng, các diễn đàn, hội thảo khoa học người ta nói nhiều đến phát triển bền vững. Đây là một vấn đề lớn đặt ra đối với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ. Bởi vì, phát triển bền vững ngày nay trở thành tiêu chuẩn căn bản cho mọi hoạch định mục tiêu và chiến lược phát triển của mỗi quốc gia.

Như chúng ta biết, phát triển bền vững được hiểu là một quá trình thỏa mãn những nhu cầu con người hiện tại, mà không gây thiệt hại cho những cơ hội của các thế hệ sau trong việc thỏa mãn nhu cầu của họ. Muốn phát triển bền vững, trước hết phải có một nền kinh tế phát triển, một xã hội ổn định, một môi trường sống lành mạnh. Có thể nói đây là ba nền tảng, ba trụ cột của phát triển bền vững trong bối cảnh hiện nay. Không có một đất nước nào muốn phát

triển bền vững mà lại không quan tâm và không giải quyết hài hòa mối quan hệ của kinh tế, xã hội và môi trường. Muốn giải quyết vấn đề xã hội trong phát triển bền vững không thể không quan tâm tới vấn đề an sinh xã hội. Xã hội ổn định an sinh xã hội được giải quyết một cách hài hòa trong mối liên hệ chung của toàn xã hội.

Trong bài viết này, chúng tôi bàn về mối quan hệ giữa an sinh xã hội và phát triển bền vững.

2. Khái niệm xã hội có nội hàm rất rộng, mà an sinh xã hội chỉ là một trong nhiều vấn đề của xã hội. Khi nói đến an sinh xã hội là nói đến con người và lớn hơn các cộng đồng, mà ở đây là các cộng đồng cư dân. Bàn về an sinh xã hội trong bối cảnh hiện nay là rất cần thiết, nhất là khi nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh gay gắt giữa các thành phần kinh tế, tất

yếu dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo và làm nảy sinh những vấn đề xã hội. Sự phân hóa giàu nghèo làm nảy sinh bất bình đẳng xã hội, xuất hiện các mâu thuẫn giữa các giai tầng của một quốc gia và cùng với đó là tiềm ẩn nguy cơ xung đột xã hội. Ở một khu vực nào đó hay một quốc gia xảy ra bất ổn xã hội sẽ ảnh hưởng rất lớn đến phát triển kinh tế, xã hội. Hệ lụy của bất ổn xã hội rất khó lường, khi mà giữa các cộng đồng dân cư lại có những vấn đề xã hội khác (như khác biệt tôn giáo hay là những nhóm thiểu số...). Những cuộc xuống đường của người Hy Lạp, người Tây Ban Nha trong những năm gần đây phản ánh nổi bất bình của dân chúng là do những khó khăn của nền kinh tế tác động đến đời sống của mọi tầng lớp xã hội cũng có nghĩa là an sinh xã hội không được giải quyết một cách thấu đáo. Người lao động xuống đường đấu tranh với mong muốn chính phủ phải có những giải pháp hữu hiệu đảm bảo an sinh xã hội. Ở những nơi khác như Haiti, Ai Cập... đói nghèo là nguyên nhân chính dẫn đến những bạo loạn. Những cuộc xuống đường không chỉ làm mất ổn định xã hội, mà nhiều khi dẫn đến suy yếu thậm chí dẫn đến tan rã chính quyền làm thay đổi đời sống chính trị.

2.1. Tại sao lại phải quan tâm đến an sinh xã hội? Bởi vì, thế giới mà chúng ta đang sống là thế giới của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập như là tất yếu lịch sử đã tác động sâu sắc đến đời sống của mọi cộng đồng cư dân. Các tộc người, các quốc gia dân tộc muốn phát triển phải tham gia vào dòng chảy chung đó. Để hội nhập và phát triển đòi hỏi mỗi tộc người, mỗi quốc gia dân tộc phải phát huy sức mạnh trí tuệ của

chính tộc người, quốc gia dân tộc đó. Mà trí tuệ của một tộc người, một quốc gia dân tộc lại chính là những thành viên, những công dân của chính tộc người đó. Trong bối cảnh hiện nay, để một thành viên trong một xã hội có thể phát huy hết trí lực của mình cho sự phát triển của đất nước quyền con người phải được luật pháp thừa nhận và quy định rất rõ ràng. Con người muốn phát huy được năng lực sáng tạo của mình, thì an sinh xã hội phải được bảo đảm. Khi nói đến an sinh xã hội trước hết là nói đến an ninh con người. An ninh con người bao hàm việc người dân có quyền theo đuổi những lựa chọn khác nhau một cách an toàn và tự do, người dân phải được bảo vệ khỏi mối đe dọa thường xuyên của đói rét và sự mất bình đẳng xã hội. Con người sinh ra có quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc, quyền được học hành...

Trước đây, trong bối cảnh chưa có hội nhập quốc tế, các nước thường theo truyền thống văn hóa của mình mà xây dựng các chính sách phát triển. Trong bối cảnh như vậy quyền con người không được quan tâm. Mỗi quốc gia tùy thuộc vào chế độ chính trị của mình mà quy định những định chế liên quan đến con người. Nhiều nước, nhất là các nước mới giành được độc lập thường không quan tâm đến quyền con người.

Ngày nay, thế giới là thế giới phẳng, những trở ngại của đường biên giới quốc gia một thời là rào cản mọi giao lưu tiếp xúc, nay nhờ các phương tiện thông tin và công nghệ hiện đại, thì sự giao lưu ngày càng được mở rộng. Các quốc gia muốn hội nhập để phát triển, không đơn giản chỉ có hội nhập kinh tế thuần túy, mà cần thiết phải hội nhập trong các lĩnh vực khác như giáo dục, học thuật. Nước ta đã hội nhập sâu vào

đời sống kinh tế thế giới (là thành viên của WTO), và các khía cạnh khác của đời sống thế giới chúng ta cũng đang trong xu hướng hội nhập. “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền con người, quyền công dân được Nhà nước và xã hội thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo hiến pháp và pháp luật” (Điều 15 – Dự thảo sửa đổi Hiến Pháp 1992). Nếu so sánh với các Hiến pháp trước đây (1946, 1959, 1980 và 1992), Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 có một sự khác biệt rất lớn, hướng tới những giá trị chung của nhân loại. Việc hiến định quyền con người trong bộ luật cơ bản của nhà nước không chỉ thể hiện an ninh con người được bảo đảm, mà còn thể hiện khía cạnh an sinh xã hội. Con người sống được hưởng các quyền cơ bản đồng thời cũng phải thực hiện nghĩa vụ đối với đất nước. An ninh con người được bảo đảm (tức quyền con người được bảo đảm) cùng với quá trình này là an sinh xã hội cũng được bảo đảm. Ở đâu quyền con người được bảo đảm, thì ở đó an sinh xã hội cũng được giải quyết hài hòa trong mối tương quan chung của xã hội.

2.2. Việt Nam là quốc gia đa tộc người, tình trạng nghèo đói ở các tộc người thiểu số chưa được giải quyết một cách căn cơ và có hiệu quả cũng ảnh hưởng rất lớn đến phát triển bền vững. Trong quá trình phát triển của các quốc gia đa tộc người do tình trạng phát triển không đồng đều, lại bị chi phối bởi môi trường tự nhiên cũng như do tác động của thiên tai dịch họa, nên có lẽ, không có tộc người nào trong suốt chiều dài lịch sử hình thành và phát triển của mình lại không trải qua tình trạng đói nghèo (thậm chí ngay cả các nước phát triển cũng không ngoại lệ).

Nghèo đói là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người, nhu cầu mà xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế xã hội và phong tục tập quán địa phương. Nghèo đói hiện nay là một trong bốn vấn đề nóng bỏng mà cộng đồng thế giới đang huy động mọi nỗ lực để giải quyết (vấn đề chiến tranh và hòa bình, vấn đề môi trường, vấn đề dân số và vấn đề nghèo đói). Nghèo đói trở thành một vấn đề nghị sự của các nước đang phát triển, nhưng trong các quốc gia đó, gay gắt nhất là đối với các tộc người thiểu số. Số dân ở các tộc người thiểu số thường chiếm một tỉ lệ nhỏ so với tộc người đa số, nhưng lại chiếm tỉ lệ đói nghèo cao. Việc giải quyết nghèo đói ở các tộc người thiểu số là một quá trình lâu dài và khó khăn, không phải chỉ đối với những nước đang phát triển, mà đối với các nước phát triển cũng rơi vào tình trạng đó. Bởi ngay chính những nước có nền kinh tế phát triển, như Mĩ chẳng hạn, cũng phải bỏ ra nhiều tỉ đô la để giúp cho các cư dân bản địa, nhưng cho đến nay tình trạng nghèo đói ở những nhóm này vẫn chưa giải quyết. Ở nước ta việc điều tra xác định hộ đói nghèo được triển khai từ năm 1993 với sự tham gia của các tổ chức khác nhau. Các cuộc điều tra được tiến hành vào các thời điểm và các địa phương khác nhau, nhưng đều có một điểm chung là tỉ lệ đói nghèo ở các tộc người thiểu số cao hơn nhiều mức bình quân của cả nước[1].

Giữa đói nghèo và phát triển ở các tộc người thiểu số có mối liên hệ như thế nào? Muốn phát triển đòi hỏi phải nâng cao dân trí. Xóa đói giảm nghèo và phát triển giáo dục phụ thuộc vào các chiều kích khác nhau, nhưng có mối quan hệ gắn bó chặt

chẽ với nhau, trong đó học vấn là một biến độc lập trong tương quan với vấn đề nghèo đói. Mà một khi giải quyết được vấn đề đói nghèo và nâng cao dân trí lại chính là góp phần vào việc phát triển nguồn nhân lực ở các tộc người thiểu số. Những kết quả nghiên cứu của các tổ chức quốc tế như Oxfam, Ngân hàng Thế giới chỉ ra rằng, mức độ giáo dục liên quan chặt chẽ với đói nghèo. Số năm đi học trung bình của 20 % hộ gia đình nghèo nhất chỉ bằng một nửa của 20 % hộ giàu nhất. Có một khoảng cách đáng kể về tỉ lệ biết chữ giữa hai nhóm đỉnh và đáy của tháp phân tầng. Báo cáo đó cũng cho biết tỉ lệ đói nghèo sẽ giảm xuống, khi tỉ lệ trình độ học vấn tăng. Có tới 90 % số người đói nghèo là những người chỉ có trình độ phổ thông cơ sở hoặc thấp hơn. Ngược lại rất hiếm những người có trình độ đại học lại thuộc diện nghèo[2]. Những nghiên cứu của chúng tôi khi triển khai thực hiện đề tài: *Nghiên cứu thực trạng kinh tế – xã hội và những giải pháp xóa đói giảm nghèo ở người Khmer tỉnh Sóc Trăng* cho thấy hộ nghèo, trước hết là hộ có thu nhập thấp, thiếu cả nguồn vốn, tiền bạc, tài sản, nguồn vốn xã hội, đặc biệt là bị hạn chế về nguồn vốn con người. Trình độ học vấn cao là cơ hội để người nghèo thoát nghèo. Trong lúc trẻ em ở hộ nghèo ít được đi học hơn so với trẻ em ở hộ giàu, một phần do bố mẹ mù chữ hoặc trình độ học vấn thấp. Các hộ nghèo thường đông con, nhưng chi phí cho việc học hành lại quá lớn so với thu nhập của họ. Chi phí cho việc học tập càng lên cao càng tốn kém, làm cho nhiều gia đình không đủ sức lo cho việc học hành của con cái. Mặt khác, người nghèo lại hay gặp rủi ro do mất mùa, ốm đau, bệnh tật, nợ nần... Khi mà nguồn thu

nhập của gia đình bị giảm sút do những rủi ro, buộc các gia đình phải cho con nghỉ học để giảm các khoản chi phí, mặt khác, khi các em nghỉ học lại có thể tham gia giúp cha mẹ kiếm thêm thu nhập. Đây là một thực tế tại các địa bàn các tỉnh miền Đông Nam Bộ cũng như ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, nơi chúng tôi có dịp khảo sát. Trình độ học vấn thấp hoặc mù chữ về lâu dài sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng di động xã hội, chuyển đổi nghề nghiệp, thay đổi vị thế xã hội và có ý chí về sự thăng tiến xã hội. Ở một khía cạnh khác, trình độ học vấn thấp hoặc mù chữ sẽ dẫn đến khó hình thành đội ngũ trí thức dân tộc và như vậy khó có thể tạo thành động lực phát triển của chính tộc người đó. Với trình độ học vấn thấp, người nghèo không có kĩ năng và trình độ khoa học kĩ thuật, việc tiếp nhận thông tin rất hạn chế. Trong bối cảnh đó, để mưu sinh, người nghèo chủ yếu dựa vào lao động giản đơn làm nông nghiệp, tự canh hay làm thuê (rất phổ biến). Vì thiếu đất canh tác cũng như tiền bạc để đầu tư sản xuất, nên đi làm thuê. Nguồn thu từ hoạt động nông nghiệp hay làm thuê và lao động giản đơn là rất thấp chỉ đủ tái sản xuất giản đơn và đây là lí do dẫn đến họ dễ bị tổn thương khi gặp rủi ro. Ở nông thôn những người tham gia hoạt động phi nông nghiệp cần có vốn, kiến thức, trình độ khoa học kĩ thuật có thu nhập cao hơn rất nhiều so với lao động nông nghiệp. (Một nghiên cứu ở xã Khánh Hậu, Long An, cho biết xã từ chỗ có 17 % người không có đất, sau do thay đổi cơ cấu kinh tế số hộ không có đất tăng lên 36 %, nhưng thu nhập ở đây cao hơn mức thu nhập bình quân của tỉnh là ba lần, cao hơn mức thu nhập chung của đồng bằng sông

Cửu Long là năm lần). Nhưng đối với những người học vấn thấp lại không có cơ hội để chuyển đổi nghề nghiệp. Rõ ràng những người nghèo rơi vào một vòng luẩn quẩn đói nghèo không có điều kiện để học hành, không nâng cao năng lực cạnh tranh. Không có điều kiện đi học, không có kỹ thuật, tay nghề hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lao động chân tay hoặc đi làm thuê, thu nhập thấp, nhiều rủi ro lại dẫn đến đói nghèo. Trình độ học vấn thấp lại là rào cản lớn cho người nghèo tiếp nhận thông tin, kiến thức, mở rộng mạng lưới quan hệ xã hội. Ít giao tiếp với bên ngoài, trình độ tiếng Việt kém, hạn chế khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt làm cho người nghèo bị cô lập trong cộng đồng. Không giao tiếp với bên ngoài với người Việt để trao đổi học hỏi, sẽ làm thu hẹp mạng lưới xã hội của người dân. Cũng do học vấn thấp sẽ gây khó khăn cho người nghèo tiếp cận thông tin qua sách vở, báo chí, tivi, đài để nâng cao kiến thức về chính sách, về thị trường, giá cả, tín dụng, áp dụng những tiến bộ khoa học, kỹ thuật. Tất cả những điều đó cùng với tâm lý tộc người, dẫn đến là họ ngại tham gia các cuộc hội họp, tập huấn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vì sự hiểu biết còn hạn chế, đã làm cho họ không tận dụng được cơ hội từ phía giúp đỡ của cộng đồng để thoát khỏi đói nghèo. Mặt khác, cũng vì mù chữ và học vấn thấp, người nghèo thường dựa vào các tổ chức phi chính thức như họ hàng, bà con, người cho vay lãi rồi mới đến nhà chùa, các tổ chức chính trị xã hội khác như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân... Dường như người nghèo ít có cơ hội tiếp xúc với mạng lưới chính thức từ phía Nhà nước và do vậy họ cũng ít được hưởng lợi từ sự hỗ trợ của mạng lưới chính

thức hơn. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ xóa đói giảm nghèo chủ yếu giành cho người nghèo vay vốn, nhưng trong các đợt đi thực tế tại các địa phương, lại có một nghịch lý là người giàu lại vay vốn các quỹ này nhiều hơn. Tại sao lại như vậy? Bởi vì người nghèo ít có cơ hội tiếp xúc với chính quyền địa phương cũng không am hiểu chủ trương chính sách, vì không biết chữ, họ không biết thủ tục vay mượn vốn phải làm như thế nào, thanh toán, thế chấp như thế nào. Mà những qui định cũng như các thủ tục này lại phức tạp, làm phiền lòng người dân. Giải quyết đói nghèo một cách căn bản là một công việc khó khăn đòi hỏi cả thời gian và tiền của. Không giải quyết được vấn đề đói nghèo cũng có nghĩa không giải quyết được vấn đề an sinh xã hội. Mà không giải quyết vấn đề an sinh xã hội cũng không tạo được động lực cho phát triển. Vì vậy cần lưu ý mối liên hệ hữu cơ giữa đói nghèo và phát triển bền vững trong bối cảnh hiện nay.

2.3. Để có thể phát triển bền vững đòi hỏi phải có ổn định xã hội. Không có nơi nào trên thế giới bất ổn xã hội lại có thể phát triển bền vững. Nguyên nhân dẫn đến xung đột dẫn đến bất ổn xã hội có nhiều như: sự khác biệt tôn giáo giữa các cộng đồng dân cư, những vấn đề lịch sử, sự bất bình đẳng giữa các giai tầng trong xã hội hay áp bức dân tộc... Khi các cuộc xung đột xảy ra, nhất là xung đột vũ trang làm cho tình hình một quốc gia vốn đã có quá nhiều vấn đề khó khăn trong phát triển kinh tế, lại thêm những bất ổn xã hội càng thêm khó khăn. Những cuộc xung đột ở: SriLanka, Pakistan, Ấn Độ, Thái Lan, Philipin, Xu Đăng, Xômali... không chỉ gây tổn hại về nhân mạng, về cơ sở vật chất,

mà còn tác động đến bất ổn xã hội. Muốn cho đất nước phát triển, thì trước hết phải không có bạo động làm mất ổn định xã hội, gây mối hằn thù giữa các tầng lớp dân cư trong một quốc gia. Vì vậy, trong những quốc gia đa tộc người, muốn cho ổn định phải giải quyết tốt mối quan hệ tộc người. Thực tế những quốc gia có nhiều vấn đề thuộc về quá khứ lịch sử, do những chính sách chia để trị, kìm hãm sự phát triển kinh tế, xã hội, do sự bất bình đẳng xã hội.. luôn tiềm ẩn những nguy cơ xung đột. Tất cả những vấn đề có tính lịch sử phải được giải quyết trong thời hiện đại được thể hiện trong những chính sách, chủ trương, biện pháp của các nhà nước, thừa nhận những giá trị nhân bản của từng tộc người, bình đẳng trong phát triển. Một khi xung đột xảy ra làm trì trệ và mất ổn định xã hội. Con người sống trong nỗi lo sợ, an ninh xã hội không được bảo đảm, thì an ninh con người chưa hẳn đã được bảo đảm. Một khi an ninh xã hội không được bảo đảm, an ninh con người không được bảo đảm thì cũng có nghĩa là an sinh xã hội không được bảo đảm. Cho nên muốn an ninh con người được bảo đảm, thì phải bảo đảm an ninh xã hội. Mà muốn bảo đảm an ninh xã hội phải giải quyết tốt an sinh xã hội. Và muốn làm được như vậy, thì trước hết phải tạo được sự hài hòa trong phát triển xã hội và không có xung đột tộc người hay xung đột xã hội.

Khủng hoảng ở các nước Trung Đông cho chúng ta một bài học trong vấn đề an sinh xã hội. Các nước Trung Đông là những nước có nguồn tài nguyên khá phong phú, nhất là dầu mỏ. Lợi thế của tài nguyên đã mang lại những khoản thu nhập lớn cho các nước này. Nguồn lợi đó nếu sử dụng có hiệu quả sẽ giúp đất nước phát triển, nâng

cao đời sống mọi mặt cho người dân. Tuy nhiên, những nguồn lợi mà thiên nhiên mang lại không được đầu tư cho phát triển, mà rơi vào tay những người đứng đầu chính phủ và người thân của họ. Trong khi những người đứng đầu các chính phủ cũng như những người thân của họ sống trong giàu sang, thì đại bộ phận dân cư sống trong đói nghèo. Khoảng cách giàu nghèo không những không thu hẹp mà càng ngày càng tăng, khoét sâu mâu thuẫn xã hội. Sự bất bình đẳng xã hội trong việc sử dụng nguồn lợi do nguồn tài nguyên mang lại dẫn đến bất bình đẳng xã hội. Sự mâu thuẫn xã hội không dừng tại đó, mà dẫn đến xung đột xã hội. Các cuộc xuống đường của đông đảo dân chúng không chỉ làm bất ổn xã hội, mà dẫn đến xung đột vũ trang, làm sụp đổ chính phủ. Để phát triển phải tạo sự ổn định xã hội. Mà muốn ổn định xã hội thì an sinh xã hội phải được bảo đảm.

3. An sinh xã hội và phát triển bền vững có mối quan hệ biện chứng, gắn bó hữu cơ. Đây là hai quá trình kinh tế xã hội trong nghiên cứu, nhận thức và điều khiển chúng ta có thể tách ra, song thực tế chúng hòa quyện vào nhau như hai mặt của một chỉnh thể thống nhất. Khi nói tới quá trình phát triển kinh tế, xã hội, đã hàm chứa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội, tiến bộ xã hội. Mục tiêu phát triển là vì con người, mà ở góc độ đang xem xét – đó chính là an sinh xã hội. Mặt khác, động lực của phát triển cũng chính là con người, mà giải quyết tốt an sinh xã hội cũng chính là tạo động lực để con người phát huy hết năng lực và trí tuệ của mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngược lại, quá trình phát triển tạo tiền đề và điều kiện để phát triển con người toàn diện. Sự

phát triển kinh tế, xã hội mang lại của cải vật chất và giá trị tinh thần để nâng cao dân sinh, dân trí. Chính trong điều kiện đó, từng con người, từng tập thể tự ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của mình góp phần giải quyết an sinh xã hội. Ở phương diện một quốc gia điều kiện để phát triển bền vững tạo ra là bảo đảm cho việc giải quyết an sinh xã hội. Phát triển kinh tế

gắn liền với an sinh xã hội là một định hướng lớn, là một chủ trương quan trọng trong sự nghiệp xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bởi vì phát triển kinh tế bền vững không thể tách rời tiến bộ với việc tạo lập công bằng, đảm bảo an sinh xã hội. Phải đảm bảo tốt an sinh xã hội, mới tạo được cơ sở và nguồn lực xã hội để phát triển bền vững.

SOCIAL SECURITY AND SUSTAINABLE DEVELOPMENT

Ngô Văn Lê

*University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University of Ho Chi Minh City*

ABSTRACT

Uneven development between nations and ethnic groups is a prominent feature in the present world context. In a market economy with fierce competition, not only is the gap between the rich and the poor social classes unsolved, but the situation complicated as the resulting social stratification with other social issues creates the risk of social conflict, affecting sustainable development. Stable social development is a requirement for any country. But maintaining social stability for development requires different solutions, including social security as an important factor. Social Security is one of the factors contributing to stable development.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Minh Đạo (2003), *Một số vấn đề giảm nghèo ở các dân tộc thiểu số Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội.
- [2] Ngô Văn Lê, Nguyễn Văn Tiếp (2003), *Thực trạng kinh tế – xã hội và những giải pháp xóa đói giảm nghèo ở người Khmer tỉnh Sóc Trăng*, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Ngô Văn Lê (2004), *Tộc người và văn hóa tộc người*, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- [4] Ngô Văn Lê (chủ nhiệm, 2005), *Di dân tự do ở Bình Phước, thực trạng và giải pháp*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh.
- [5] Ngô Văn Lê (2011), *Đặc điểm lịch sử xã hội di sản và ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của các tộc người thiểu số (Trường hợp người Khmer)*, trong sách *Quan hệ tộc người và phát triển xã hội ở Việt Nam*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
- [6] Ngô Văn Lê (2011), *Những đặc điểm văn hóa xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển của người Khmer trong bối cảnh hội nhập*. Tham luận hội thảo khoa học *Cộng đồng dân tộc Khmer trong quá trình phát triển và hội nhập*, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- [7] Nhiều tác giả (2003), *Phát triển giáo dục vùng dân tộc Khmer Nam Bộ*, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.